

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

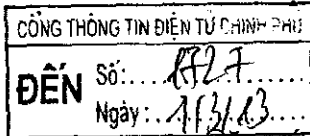
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **14** /2013/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **28** tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v qui định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí khoán, quản lý và sử dụng chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính của Hội đồng bán đấu giá cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 139/2011/TT-BTC ngày 10/10/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 59/2008/TT-BTC ngày 04/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành qui định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí khoán, quản lý và sử dụng chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính của Hội đồng bán đấu giá cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu, trên địa bàn tỉnh Hà Nam như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính của hội đồng bán đấu giá cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết

định tịch thu là: 3,5% trên giá trị tài sản bán được theo phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước và được áp dụng chung cho tất cả các cuộc bán đấu giá, nhưng không vượt quá mức phí bán đấu giá do Ủy ban nhân dân tỉnh qui định.

2. Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu được chủ động sử dụng kinh phí được khoán để chi cho các nội dung theo qui định tại Thông tư 137/2010/TT-BTC và không được vượt quá mức khoán qui định nêu trên.

3. Cuối năm ngân sách, Hội đồng bán đấu giá cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu thực hiện quyết toán chi phí thực tế cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước trong năm theo qui định hiện hành. Trường hợp số chi theo quyết toán thực tế nhỏ hơn so với chi phí khoán thì số chênh lệch xử lý như sau:

a) Đối với hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, cơ quan của người ra quyết định tịch thu thực hiện nộp ngân sách nhà nước.

b) Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản được xử lý theo cơ chế tài chính hiện hành áp dụng với đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sở Tài chính, phòng Tài chính các huyện, thành phố quản lý tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc nhà nước có trách nhiệm quyết toán khoản chi phí thực tế cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính trong năm của Hội đồng bán đấu giá cấp huyện, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và cơ quan của người ra quyết định tịch thu theo đúng qui định tại khoản 3 điều 1 Thông tư số 139/2011/TT-BTC ngày 10/10/2011 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Giao Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định tại quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. **26**

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- TTTU; TT HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các tổ chức đoàn thể của tỉnh;
- Website Hà Nam, TT Công báo;
- Lưu VT, KTTH.

H-QD 06/KCP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Mai Tiến Dũng